

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH TIỀN GIANG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 30-11-2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thơ

Bà Lưu Thị Thu Thủy

-Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 36/2023/TLPT-HNGĐ ngày 02/10/2023 về việc tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 83/2023/HNGĐ-ST ngày 05-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 735/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Số C B, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Chị Phan Hồng P, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số C B, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn anh Nguyễn Minh H trình bày:

Anh và chị Phan Hồng P quen biết nhau, tìm hiểu khoảng 02 năm thì kết hôn, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 11/1999 ngày 28/12/1999. Sau khi kết hôn anh chị đến Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng ổn định, hạnh phúc. Đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị P không tin tưởng cho rằng anh đem tiền về cho gia đình và cho người khác, nghi ngờ anh quen với người phụ nữ khác. Do lúc đó con còn nhỏ nên anh cố gắng làm để lo cho các con. Thời gian gần đây chị P tiếp tục ghen tuông cho rằng anh quen với người phụ nữ khác và đem tiền cho người này. Gia đình có hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay anh chị còn sống chung nhà nhưng do mâu thuẫn nên không nói chuyện với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị P.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng H1, sinh ngày 24/3/2001 và cháu Nguyễn Minh P1, sinh ngày 20/6/2007. Cháu Nguyễn Thị Hồng H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu P1, yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi cháu P1 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phan Hồng P trình bày:

Về thời gian kết hôn và con chung, chị thống nhất với lời trình bày của anh H. Chị không đồng ý ly hôn với anh H vì chị còn thương chồng. Cháu P1 có tụ tập với các phần tử xấu, sử dụng thuốc lá điện tử, thầy chủ nhiệm báo có khả năng ma túy nên nếu vợ chồng ly hôn sẽ làm cho cháu P1 hư hỏng.

Về mâu thuẫn gia đình anh H trình bày không đúng, mười năm đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc. Đến năm 2012 thì anh H quen với người phụ nữ khác, có quan hệ tình cảm với người này. Hiện nay anh H lại quen với người phụ nữ khác. Khi biết sự việc, chị có khuyên anh H thay đổi để lo cho các con. Trong quá trình sống chung vợ chồng có mâu thuẫn cãi nhau do anh H đưa tiền lo cho gia đình ít, không đủ lo cho con chung. Tuy nhiên mâu thuẫn đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình có thể hòa giải được. Chị và anh H vẫn còn sinh sống chung nhà, không ly thân cũng không gây gổ gì.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng H1, sinh ngày 24/3/2001 và cháu Nguyễn Minh P1, sinh ngày 20/6/2007. Cháu Nguyễn Thị Hồng H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu phải ly hôn

thì chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu P1 vì từ trước đến nay cháu P1 do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu P1 12.000.000 đồng/tháng đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 83/2023/HNGĐ-ST ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh H xin ly hôn với chị Phan Hồng P.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 14/6/2023, anh Nguyễn Minh H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho anh được ly hôn với chị P.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cương quyết xin ly hôn. Chị P không đồng ý ly hôn vì chị còn thương chồng, thương con, anh chị không có mâu thuẫn gì trầm trọng nên vẫn còn khả năng hàn gắn.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh H; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Minh H còn trong thời hạn quy định nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Anh Nguyễn Minh H và chị Phan Hồng P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An, giấy chứng nhận kết hôn số 11/1999 ngày 28/12/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng anh chị không ly thân, vẫn sống chung nhà.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh H trình bày do chị P không tin tưởng, nghi ngờ anh có người phụ nữ khác, không đem tiền về chăm lo cho gia đình từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị P thừa nhận mâu thuẫn là do anh Hồng q với người phụ nữ khác, không cùng chăm lo cho các con chung, không đóng góp đủ chi phí sinh hoạt gia đình. Tuy nhiên, chị còn thương chồng, thương con nên muốn hàn gắn để chăm lo cho gia đình, chị cam kết sẽ thay đổi tính tình để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay cháu P1 nghiện thuốc lá điện tử, thầy chủ nhiệm thông báo cháu tụ tập với bạn bè xấu, có khả năng sử dụng chất ma túy.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh H xin ly hôn với chị P nhưng anh chị vẫn còn sống chung nhà, anh cũng không chứng minh được chị P vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, con chung của anh chị là cháu Nguyễn Minh P1 đang trong giai đoạn trưởng thành về mặt tâm sinh lý, thích khám phá nên dễ bị rủ rê, lôi kéo nếu như không có sự quan tâm, chăm sóc của cả cha lẫn mẹ. Tại bản tự khai ngày 22/5/2023 và bản tự khai ngày 04/10/2023 cháu P1 và cháu Nguyễn Thị Hồng H1, hai cháu thể hiện mong muốn cha mẹ đoàn tụ, nếu cha mẹ ly hôn thì cháu cũng không biết muốn sống cùng ai vì cha mẹ đều là người cháu yêu thương nhất. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị P là có thật nhưng chưa đến mức độ trầm trọng và vẫn còn khả năng hàn gắn để chăm lo cho con chung. Do vậy, căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/-Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh H.

Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 83/2023/HNGĐ-ST ngày 05-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh H xin ly hôn với chị Phan Hồng P.

2/- Về án phí: Anh Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai số 0017490 ngày 18/4/2023 và biên lai số 0017724 ngày 21/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan